«SoYTe» Số nhập viện: «SoVVien»…….

Bệnh viện «BenhVien» BỆNH ÁN Số lưu trữ:«SoLuuTru»

Khoa: «Khoa»………………. Mã số bệnh tật: «MaNB»…

«RaVienBenhKemTheo\_2»2

«RaVienBenhKemTheo\_1»2

«RaVienBenhKemTheo\_3»2

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Hành Chính** 2. Họ và tên:«HoVaTen» 3. Giới: 1. Nam 2. Nữ   «Nu»  «Nam»   1. Sinh ngày: «NgaySinh» Tuổi: «Tuoi» 2. Nghề nghiệp: «NgheNghiep» 5. Dân tộc: «DanToc»   6. Quốc tịch: «QuocTich»  7. Địa chỉ: «DiaChi»  8. Nơi làm việc: «NoiLamViec»  9. Đối tượng: *1.BHYT 2.Thu phí 3.Miễn 4.Khác*  «DoiTuong»  10. Thẻ BHYT số: «SoTheBHYT»  Có giá trị từ «GiaTriBaoHiemYTe»  11. Họ tên, địa chỉ người nhà khi cần báo tin:  «LienHe»  Điện thoại số: «SoDienThoai» | 1. **Quản lý người bệnh**   12. Vào viện: «VaoVienGioPhut» «VaoVienNgayThang»  13. Tiếp nhận tại khoa: «Khoa»  14. Nơi giới thiệu:  *1. Y tế cơ quan 2. Tự đến 3. Khác*  «NoiGioiThieu»  15. Vào khoa: «Khoa» |
| 16. Chuyển khoa: «ChuyenKhoa»  17. Chuyển viện: «ChuyenDen» |
| 18. Ra viện: «RaVienGioPhut».«RaVienNgayThang»  *1. Ra viện 2. Xin về 3. Bỏ về*  «HinhThucRaVien»  19. Tổng số ngày điều trị: «TongSoNgayDT» ngày. |
| 1. **Chẩn đoán**   20. Tuyến dưới: «TuyenDuoi»  21. Cấp cứu, khoa khám bệnh: «CapCuuKhoaKhamBenh»    22. Vào khoa:  - Bệnh chính: «VaoKhoaBenhChinh»  «VaoKhoaBenhChinh\_3»  «VaoKhoaBenhChinh\_2»  «VaoKhoaBenhChinh\_1»  «VaoKhoaBenhChinh\_0»    - Bệnh kèm theo: «VaoKhoaBenhKemTheo»  23. Ra viện:  - Bệnh chính: «RaVienBenhChinh»  «RaVienBenhChinh\_0»  «RaVienBenhChinh\_3»  «RaVienBenhChinh\_2»  «RaVienBenhChinh\_1»  - Bệnh kèm theo: «RaVienKemTheo»  «RaVienBenhKem\_0»  «RaVienBenhKem\_3»  «RaVienBenhKem\_2»  «RaVienBenhKem\_1»  - Biến chứng/ Tai biến: *1. Có 2. Không*  «BienChungTaiBien» | 24. Giải phẫu bệnh:  *1. Bệnh lý; 2. Bình thường*  «GiaiPhauBenh\_MT»  25. Khám nghiệm tử thi:  *1. Có; 2. Không*  «KhamNghiemTuThiManTinh»  **IV. Tình trạng ra viện:**  26. Kết quả điều trị  «KetQuaDieuTriRV»  *1. Khỏi 2. Đỡ, giảm*  *3. Không thay đổi*  *4. Nặng hơn; 5. Tử vong*  27. Tình hình tử vong: : «GioTuVong» «NgayTuVong»  1. Do bệnh; 2. Do tai biến điều trị  «TinhHinhTuVong»  *a). Trong 24h sau khi vào viện*  «TinhHinhSauVaoVien»  *b). Trong 24h sau phẫu thuật*  «SauPhauThuat» |
| 28. Nguyên nhân tử vong:  «NguyenNhanTuVong» |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | |  | «NgayKy\_MT» |
| Giám đốc BV  «GiamDoc» | Trưởng phòng KHTH  **«**TruongPhongKHTH**»** | Trưởng khoa  «TruongKhoa» | Thầy thuốc điều trị  «BsKhamBenh» |

**A/ Y HỌC HIỆN ĐẠI**

1. **TIỀN SỬ**
2. Các yếu tố nguy cơ

Hút thuốc lá:

«HutThuocLa»

1. *Có; 2. Không*

Số điếu «SoDieu»/ ngày; «SoBao» Bao/ ngày

Uống rượu:

«UongRuou»

1. *Có; 2. Không*

Lượng rượu uống «LuongUongRuou» lít/ ngày;

Các yếu tố khác: «CacYeuToKhac»

Các bệnh phối hợp:

«RLCHLipit\_1»

«RLCHLipit\_0»

* Tăng huyết áp Có Không - RLCH Lipit Có Không

«TangHuyetAp\_1»

«DaiThaoDuong\_1»

«DaiThaoDuong\_0»

«TangHuyetAp\_0»

* Đái tháo đường Có Không - Bệnh thận Có Không

«BenhThan\_1»

«BenhMachVanh\_0»

«BenhThan\_0»

«Gout\_1»

* Gout Có Không - Bệnh mạch vành Có Không

«BenhNoiTiet\_1»

«BenhMachVanh\_1»

«BenhNoiTiet\_0»

«KhopManTinh\_1»

«KhopManTinh\_0»

«Gout\_0»

* Bệnh khớp mạn tính Có Không - Bệnh nội tiết khác Có Không

Bệnh lý khác: «BenhLyKhac»

1. Tiền sử gia đình:

* Gia đình có người mắc bệnh Tim mạch, Huyết áp, Đái tháo đường?

«TienSuGiaDinh\_Nam\_0»

Nam < 55 tuổi: Có Không

«TienSuGiaDinh\_Nam\_1»

Nữ < 65 tuổi: Có Không

«TienSuGiaDinh\_Nu\_1»

«TienSuGiaDinh\_Nu\_0»

1. Tiền sử bản thân:

* Bệnh tăng huyết áp: Có Không

«BenhTangHuyetAp\_1»

«BenhTangHuyetAp\_0»

Phát hiện khi nào? «BenhTangHuyetApPhatHienKhiNao»

Tự điều trị hoặc điều trị ở đâu? «BenhTangHuyetApTuDieuTriHoacDieuTriODau»

Có điều trị thường xuyên không? «BenhTangHuyetApCoDieuTriThuongXuyenKhong»

Điều trị đơn trị liệu hay đa trị liệu? «BenhTangHuyetApDonTriLieuHayDaTriLieu»

Chỉ số HA cao nhất đo được? «ChiSoHA» mmHg

«BenhDaiThaoDuong\_0»

Bệnh đái tháo đường: Có Không

«BenhDaiThaoDuong\_1»

Phát hiện khi nào? «BenhDaiThaoDuongPhatHienKhiNao»

Tự điều trị hoặc điều trị ở đâu? «BenhDaiThaoDuongTuDieuTri»

Có điều trị thường xuyên không? «BenhDaiThaoDuongDieuTriThuongXuyen»

Điều trị đơn trị liệu hay đa trị liệu? «BenhDaiThaoDuongDonTriLieuHayDaTriLieu»

Chỉ số đường huyết cao nhất đo được? «ChiSoDuongHuyet» mmol/l

«TieuDuongAnKieng\_1»

«TieuDuongAnKieng\_0»

Thực hiện chế độ ăn cho bệnh nhân tiểu đường? Có Không

Thuốc uống: Có Không

«ThucUong\_1»

«ThucUong\_0»

«LoaiThuocUong\_1»

Sulfonylue Biguanid Accarbose

«LoaiThuocUong\_2»

«LoaiThuocUong\_4»

«LoaiThuocUong\_3»

«LoaiThuocUong\_0»

Insulin Thuốc khác

1. BỆNH SỬ

|  |
| --- |
| «BenhSu» |

1. KHÁM LÂM SÀNG
2. HA «HA» … mmHg; Nhịp tim «NhipTim» … lần/ phút (Đều Không đều )

«NhipTimDeu\_0»

«NhipTimDeu\_1»

1. Toàn thân: Cao «ChieuCao» cm; Cân nặng «CanNang» kg; Chỉ số BMI: «ChiSoBMI»
2. Triệu chứng:

|  |
| --- |
| «TrieuChung» |

1. Các xét nghiệm thăm dò

* Kết quả xét nghiệm máu:

|  |
| --- |
| «KetQuaXetNghiemMau» |

* Kết quả xét nghiệm nước tiểu:

|  |
| --- |
| «KetQuaXetNghiemNuocTieu» |

* Kết quả chẩn đoán hình ảnh:

|  |
| --- |
| «KetQuaChanDoanHinhAnh» |

1. CHẨN ĐOÁN

|  |
| --- |
| -Chẩn đoán xác định: «ChanDoanXacDinh» |
| - Bệnh phối hợp: «BenhPhoiHop» |

B/ Y HỌC CỔ TRUYỀN

I/ Vọng chẩn:

|  |
| --- |
| Mô tả: «MoTaVongChan» |

II/ Văn chẩn:

|  |
| --- |
| Mô tả: «MoTaVanChan» |

III/ Thiết chẩn:

1. Xúc chẩn:

|  |
| --- |
| Mô tả: «MoTaXucChan» |

1. Mạch chẩn:

+ Mạch tay trái: «MachChanTayTrai»

+ Mạch tay phải: «MachChanTayPhai»

1. TÓM TẮT TỨ CHẨN:

|  |
| --- |
| «TomTatTuChan» |

1. BIỆN CHỨNG LUẬN TRỊ

|  |
| --- |
| «BienChungLuanTri» |

1. CHẨN ĐOÁN:

- Bệnh danh: «BenhDanh»

- Bát cương: «BatCuong»

- Tạng phủ, Kinh lạc: «TangPhuKinhLac»

- Nguyên nhân: «NguyenNhan»

C. ĐIỀU TRỊ:

**I. Điều trị đơn thuần YHCT**

«DieuTriDonThuanYHCT»

1. Pháp điều trị: «PhapDieuTri»

2. Phương thuốc: «PhuongThuoc»

3. Phương huyệt: «PhuongHuyet»

4. Xoa bóp bấm huyệt: «XoaBopDamHuyet»

5. Khác: «DieuTriKhac»

«CoDieuTriKetHopYHHD»

II. Điều trị kết hợp với YHHĐ

|  |
| --- |
| «DieuTriKetHopYHHD» |

Kết quả điều trị:

|  |
| --- |
| «KetQuaDieuTri» |

Hướng điều trị và các chế độ tiếp:

|  |
| --- |
| «HuongDieuTriVaCacCheDoTiep» |

Hẹn khám lại:«NgayHenKhamLai»

Hẹn xét nghiệm lại: «NgayHenXetNghiemLai»

«CheDoDinhDuong\_2»

«CheDoDinhDuong\_1»

«CheDoDinhDuong\_0»

1. **Chế độ dinh dưỡng:** 1. lỏng 2. Đặc 3. Kiêng 4. Khác
2. **Chế độ chăm sóc:** 1. Cấp I 2. Cấp II 3. Cấp III

«CheDoChamSoc»

DỰ HẬU (TIÊN LƯỢNG): «DuHauTL»

|  |  |
| --- | --- |
| «DieuTriKetHopYHHD»2 | «NgayGioLamBenh»  Thầy thuốc làm bệnh án  «ThayThuocLamBenh» |

**TỔNG KẾT BỆNH ÁN RA VIỆN**

1. Lý do vào viện:

|  |
| --- |
| «TongKetLyDoVaoVien» |

1. Quá trình bệnh lý và diễn biến lâm sàng:

|  |
| --- |
| «TongKetQuaTrinhBenh» |
| 1. Tóm tắt kết quả xét nghiệm cận lâm sàng: «KetQuaXetNghiemCanLamSang» |

1. Chẩn đoán vào viện:

- Theo YHHĐ: «BenhChinhYHHDVV»

- Theo YHCT: «BenhChinhYHCTVV»

1. Phương pháp điều trị:

- Theo YHHĐ: «TongKetBenhAnPPDTYHHD»

* Theo YHCT: «TongKetBenhAnPPDTYHCT»

1. Kết quả điều trị:

«KQDT\_MT»

1. Khỏi 2. Đỡ 3. Không đỡ 4. Chuyển viện 5. Tử vong 6. Tiên lượng nặng gia đình xin về
2. Chẩn đoán ra viện:

- Theo YHHĐ: «ChanDoanRVYHHD»

- Theo YHCT: «ChanDoanRVYHCT»

1. Tình trạng người bệnh khi ra viện:

|  |
| --- |
| «TinhTrangRaVien» |

1. Hướng điều trị và các chế độ tiếp:

|  |
| --- |
| «HuongDieuTriCheDoTiep» |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| HỒ SƠ, PHIM, ẢNH | | NGƯỜI GIAO HỒ SƠ  «HoTenNguoiGiao» | «NgayKy\_MT»  BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ  «HoTenThay» |
| Loại | Số tờ |
| * X – Quang | «soTongKetXQuang» |
| * CT Scanner | «soTongKetCT» |
| * Siêu âm | «soToSieuAm» | NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ  «HoTenNhan» |
| * Xét nghiệm | «soToXetNghiem» |
| * «tongKetKhac» | «soTongKetKhac» |
| * Toàn bộ hồ sơ | «soTongKetToanHoSo» |